TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 319/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 133/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Từ Dương Hải H, sinh năm 1992

HKTT: 243/1 Tôn Thất T, Phường 3, Quận X, TP.Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1987

HKTT: 339 Ngọc Lâm, phường Ngọc L, quận Long B, TP.Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Dương Hải H và bà Trần Thị Thu H sống chung và tự nguyện kết hôn vào năm 2014, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133 ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Lâm, Long B, Hà Nội. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, gây ra chán nản, ly thân từ tháng 6/2021 đến nay nên ông bà yêu cầu được công nhận thuận tình lý hôn.

[2] Về con chung: Ông Từ Dương Hải H và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà có 02 con chung tên Từ Quỳnh A, sinh ngày 20/9/2014 (chưa thành niên) và Từ Huy K, sinh ngày 14/9/2018 (chưa thành niên). Khi ly hôn, ông H,

bà H thống nhất giao hai con cho ông Từ Dương Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không cấp dưỡng

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Từ Dương Hải H tự nguyện chịu toàn bộ.

Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Từ Dương Hải H và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133 ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc L, Long B, Hà Nội.

2.2. Về con chung: Ông Từ Dương Hải H và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà có 02 con chung tên Từ Quỳnh A, sinh ngày 20/9/2014 (chưa thành niên) và Từ Huy K, sinh ngày 14/9/2018 (chưa thành niên). Khi ly hôn, hai bên đương sự thỏa thuận giao hai con chung chưa thành niên là trẻ Từ Quỳnh A và trẻ Từ Huy K cho ông Từ Dương Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Ông H không yêu cầu bà H cáp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Từ Dương Hải H và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, : ông Từ Dương Hải H tự nguyện chịu. Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà ông H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0008758 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, là đã đóng đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Bảo Trân